

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Tổ Nga.

2. Ông Vy Văn Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dư Bảo K, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, anh Dư Bảo K cùng đi làm thuê trong miền nam từ năm 2017. Cả hai đã gặp nhau và tìm hiểu, đến tháng 3 năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Do ở với nhau đã lâu nên chỉ tổ chức lễ cưới nhỏ có gia đình nội ngoại, anh em họ hàng hai bên chứng kiến.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tiếp tục vào Miền Nam làm việc và chung sống hạnh phúc; tháng 5/2019 chị Nguyễn Thị T nghỉ việc và về nhà chồng ở thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn chờ sinh con. Vợ chồng sống mỗi người một nơi xa nhau, anh Dư Bảo K chỉ về nhà vào các ngày lễ hoặc khi gia đình có công việc nên vợ chồng ít quan tâm, nói chuyện khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến cuối năm 2019, chị Nguyễn Thị T phát hiện anh Dư Bảo K có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, công khai như vợ chồng trên mạng xã hội, điều đó khiến chị Nguyễn Thị T suy sụp.

Chị Nguyễn Thị T phải mất một thời gian dài để ổn định lại tinh thần và cuộc sống; đến tháng 5/2021 thì chị Nguyễn Thị T xin bố mẹ chồng cho hai mẹ con chuyển về nhà ngoại ở Nghệ An sinh sống. Vợ chồng cũng chính thức ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình nội ngoại hai bên cũng can thiệp, hòa giải, chị Nguyễn Thị T vì thương con nên đã cố gắng làm hòa với chồng nhưng không thể hóa giải nên gia đình đồng ý cho vợ chồng tự quyết định. Nay chị Nguyễn Thị T xác định không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dư Bảo K.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dư Gia B, sinh ngày 31/10/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Dư Bảo K cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại, chị Nguyễn Thị T có công việc ổn định làm công nhân Công ty may T ở Hải Dương thu nhập trung bình 8.000.000đồng/tháng, từ khi con sinh ra cũng chỉ có một mình chị chăm sóc, anh Dư Bảo K không hỏi han quan tâm hay gửi tiền phụ giúp chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dư Bảo K; Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Người làm chứng bà Bùi Thị T1 trình bày: Tòa án có gửi các văn bản tố tụng đến cho anh Dư Bảo K, hiện con trai bà đi làm ăn trong miền Nam, không thường xuyên có mặt ở nhà nên các văn bản tố tụng bà đã nhận thay và đã thông báo nội dung cho anh Dư Bảo K được biết. Anh Dư Bảo K nói đồng ý ly hôn

với chị Nguyễn Thị T nhưng công việc bận rộn không về được, để cho chị Nguyễn Thị T ly hôn đơn phương. Vợ chồng các con xa nhau, bà cũng thương con dâu một mình chăm con vất vả mà chồng ở xa không phụ giúp được gì. Khi biết vợ chồng, xích mích cãi nhau nghi ngờ anh Dư Bảo K có người phụ nữ khác, bà cũng đã gọi anh Dư Bảo K về để vợ chồng hòa giải. Bà tuổi đã cao không phụ giúp con dâu được nhiều và đã khuyên con trai nghỉ việc trong Miền Nam về tìm việc gần nhà để gần vợ, gần con nhưng anh Dư Bảo K không đồng ý. Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn kéo dài nên bà cũng đồng ý để các con ly hôn, mặc dù bà không mong muốn điều này. Vợ chồng có một con chung, bà đề nghị để chị Nguyễn Thị T nuôi con chung do cháu còn nhỏ và công việc của anh Dư Bảo K ở xa, không thuận tiện chăm sóc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đã đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dư Bảo K. Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Dư Bảo K, cư trú tại số nhà A, ngõ B, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dư Bảo K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình xảy ra, theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng ở cách xa nhau vì công việc, nên ít quan tâm đến nhau; sau khi sinh con, một mình chị Nguyễn Thị T tự chăm sóc. Đặc biệt là trong thời gian sống xa cách nhau, nhưng anh Dư Bảo K lại công khai trên mạng xã hội mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến làm chị Nguyễn Thị T tổn thương tinh thần. Anh Dư Bảo K không có động thái sửa chữa sai lầm và để mặc tình trạng vợ chồng không còn sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2021, chị Nguyễn Thị T đã không còn ở nhà chồng và cùng con trai chuyển về nhà ngoại tại Nghệ An sinh sống đến nay. Bản thân chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

[4] Bà Bùi Thị T1 (mẹ ruột của anh Dư Bảo K) trình bày giữa vợ chồng con trai bà có mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau, công việc bận rộn ít về nhà thăm vợ con và quan tâm đến vợ con, bà thương con dâu một mình chăm sóc con nhỏ. Biết vợ chồng xích mích cãi nhau do nghi ngờ con trai bà ngoại tình, bà đã cùng gia đình hai bên nội ngoại khuyên giải nhưng không có kết quả; nên bà cũng đồng ý việc vợ chồng ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dư Bảo K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xem xét yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi con chung thấy rằng hiện tại, chị Nguyễn Thị T đang có chỗ ở, công việc làm có thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng nuôi sống bản thân và người con chung sinh hoạt học tập bình thường như những đứa trẻ khác. Trong khi đó, anh Dư Bảo K không hợp tác khi được Tòa án triệu tập, hiện đang đi làm ăn xa và cũng không có văn bản thể hiện yêu cầu nuôi con, không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh khả năng, điều kiện nuôi con. Việc phân định trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn là phù hợp với điều kiện sống, hoàn cảnh thực tế của bố mẹ các cháu, khả năng phát triển tâm sinh lý của con chưa thành niên đồng thời cũng phù hợp với ý kiến của bà Bùi Thị T1 là để cho chị Nguyễn Thị T nuôi con do anh Dư Bảo K đi làm xa, công việc không phù hợp việc chăm sóc con nhỏ.

[6] Thực tế cho thấy cháu Dư Gia B, sinh ngày 31/10/2019, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nên nguyên đơn yêu cầu được trực

tiếp nuôi cháu bé là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, sự ổn định trong sinh hoạt, học tập, cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[9] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có; đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T là người có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; các khoản 2, 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 33, 56, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dư Bảo K.

(Đăng ký kết hôn số 17 ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung:

Chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dư Gia B, sinh ngày 31/10/2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Dư Bảo K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Dư Bảo K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004271 ngày 30/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường